

# SỰ BIẾN ĐỔI SINH KẾ CỦA NGƯỜI RỤC Ở HUYỆN MINH HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

Trần Tấn Đăng Long<sup>(1)</sup>

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 30//2018; Ngày gửi phản biện 30/9/2018; Chấp nhận đăng 28/12/2019

Email: danglong@hcmussh.edu.vn

---

## **Tóm tắt**

Bài viết trình bày sự biến đổi hoạt động sinh kế của người Rục ở huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình từ truyền thống đến hiện tại. Từ một tộc người sinh sống ở hang đá, mới phát hiện năm 1959, hoạt động mưu sinh bằng săn bắt và hái lượm, người Rục ở Minh Hóa đã có sự chuyển biến mạnh về kinh tế - xã hội, biết làm rẫy, canh tác lúa nước và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thay vì chỉ sống dựa vào tự nhiên bằng nghề săn bắn và hái lượm; đời sống ngày càng khấm khá lên, có nhà cửa khang trang. Sự biến đổi tích cực trên là do có sự tác động chính sách phát triển, sự thay đổi môi trường sinh thái và quá trình giao lưu văn hóa tộc người diễn ra ở vùng người Rục. Để phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, Nhà nước cần phải quan tâm đến yếu tố văn hóa tộc người, khả năng tiếp nhận và thích nghi của người Rục trong từng hoàn cảnh cụ thể khi đưa ra chính sách phát triển, thích hợp trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

**Từ khóa:** bền vững, biến đổi, kinh tế, người Rục, xã hội

## **Abstract**

### **CHANGES IN THE LIVELIHOOD OF THE RUC COMMUNITY IN MINH HOA DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE**

The writing presents changes in activities of livelihood of Ruc people in Minh Hoa district, Quang Binh province. Research results show that Ruc people, who used to live in stone caves, were discovered in 1959, earned living by hunting, have experienced significant changes in both economic and social aspects. They know how to cultivate, plant rice and raise poultry instead of living on hunting wild animals and gathering fruit as before. Thanks to this, their quality of life is getting better with improved houses and infrastructures. This writing argues that positive changes are due to the influence of development policies, ecosystem changes and culture exchanges occurring in the Ruc community. However, in order to sustain socio-economic development in new time, the government needs to look at cultural factor of the community, their abilities to adapt to each specific situation when setting out development and integration.

---

## **1. Đặt vấn đề**

Người Rục là dân tộc thiểu số ở Việt Nam, phân bố chủ yếu ở vùng rừng núi phía Tây thuộc huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, nơi giáp với biên giới Việt – Lào. Theo báo cáo Tổng hợp dân số dân tộc Chứt trên địa bàn huyện Minh Hóa đầu năm 2018 thì dân số của người Rục là 360 người,

cư trú trong bốn bản Phú Minh, Ôn, Yên Hợp và Mố O - Ổ Ổ thuộc xã Thượng Hóa, ở xen với các tộc người như Sách, Mày, Kinh. Trong đó, số lượng người Rục cư trú ở bản Mố O - Ổ Ổ là đông nhất so với các bản còn lại. Theo Võ Xuân Trang (1998), người Rục cũng như người Sách, người Mày, người Mã Liềng và người Arem ở Quảng Bình là bộ phận cư dân tiền Việt Mường hiếm hoi còn lại ở nước ta. Xã hội của người Rục trước khi phát hiện vào năm 1959 vẫn trong tình trạng của xã hội nguyên thủy, cư trú trong hang đá, sinh sống chủ yếu bằng nghề săn bắt và hái lượm ... (Mạc Đường, 1964; Trần Trí Dồi, 1995). Tuy nhiên cho đến nay, Rục có bước phát triển mới, chủ yếu là có sự chuyển đổi về phương thức sinh kế tộc người. Nguyên nhân nào dẫn đến người Rục có sự chuyển đổi nhanh như vậy và sự chuyển đổi này có bền vững hay không? Làm gì để người Rục phát triển bền vững, hội nhập vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong xu thế Công nghiệp hóa và hiện đại hóa hiện nay?

## **2. Tổng quan tình hình và phương pháp nghiên cứu**

Từ khi phát hiện đến nay đã có nhiều nhà nghiên cứu đến vùng đất Quảng Bình để tìm hiểu về người Rục. Theo Võ Xuân Trang (1998), vào năm 1948 tộc danh người Rục (hay Rộc) ở tỉnh Quảng Bình lần đầu tiên được Jeanne Cuisinier nhắc đến trong cuốn *Les Mường* xuất bản tại Paris. Đến những năm 1960, người Rục thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, tiêu biểu là các nhà dân tộc học, nhân chủng học và ngôn ngữ học như Nguyễn Bình, Mạc Đường, Nguyễn Đình Khoa, Phạm Đức Dương... Hầu hết, các kết quả nghiên cứu của những tác giả này là những bài viết được đăng trên các tạp chí Dân tộc học, Nghiên cứu lịch sử, các báo ở địa phương. Các tác giả này cho rằng người Rục không phải người nguyên thủy, thông qua các cứ liệu ngôn ngữ có thể xếp tiếng Rục vào nhóm ngôn ngữ Việt Mường. Nổi bật trong giai đoạn này là công trình “Tìm hiểu về người Rục ở miền núi tỉnh Quảng Bình”, và “Các dân tộc miền núi ở Bắc Trung Bộ” của tác giả Mạc Đường đã miêu tả về xuất xứ tên gọi, địa vực cư trú cũng như các khía cạnh văn hóa vật chất, tinh thần, xã hội. Việc nghiên cứu về tộc người Rục được các tác giả chú ý theo khuynh hướng nghiêng nhiều về nguồn gốc, ngôn ngữ, kỹ thuật sinh tồn, phương cách sống của cộng đồng (Nguyễn Quốc Lộc, 1984; Trần Trí Dồi, 1995; Nguyễn Văn Mạnh, 1996; Đinh Thanh Dự, 2010). Nhìn chung, những nghiên cứu về người Rục đều được các học giả tập trung khai thác trên nhiều phương diện khác nhau như nguồn gốc tộc người, ngôn ngữ, sinh hoạt kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm làm rõ bản sắc của người Rục ở huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Kế thừa những kết quả nghiên cứu của những tác giả trước đây, chúng tôi nhận thấy rằng cần có một nghiên cứu chuyên sâu về các hoạt động sinh kế của người Rục xuyên suốt quá trình lịch sử để đánh giá về tính thích ứng của nhóm người này trong bối cảnh mới nhằm góp phần đưa ra những kiến nghị phù hợp để cộng đồng này ngày càng phát triển hơn.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu về các hoạt động sinh kế của người Rục từ khi được phát hiện cho đến nay. Câu hỏi nghiên cứu chúng tôi là từ khi phát hiện đến nay hoạt động sinh kế của người Rục có sự chuyển đổi như thế nào? Các hoạt động sinh kế của họ chịu sự ảnh hưởng và bị chi phối bởi những yếu tố nào? Chúng tôi đưa ra giả thuyết là các hoạt động sinh kế của người Rục có sự chuyển đổi từ hoạt động sinh kế dựa vào môi trường tự nhiên sang hoạt động sinh kế sản xuất và chịu sự tác động của yếu tố chính sách phát triển của Nhà nước, yếu tố môi trường sinh thái và giao lưu tộc người. Bằng phương pháp điền dã nhân học và lý thuyết phát triển

bền vững, chúng tôi sẽ trả lời những câu hỏi trên. Chúng tôi tiến hành điền dã nhân học tại thực địa, cùng ăn, cùng ở, cùng làm, thực hiện 30 cuộc phỏng vấn sâu và chụp trên 500 hình ảnh trong cộng đồng người Rục. Những tư liệu trong bài nghiên cứu này giúp chúng ta thấy rõ hơn về bức tranh toàn cảnh về quá trình chuyển đổi sinh kế của người Rục từ truyền thống đến nay. Từ đó giúp cơ quan chức năng, chính quyền địa phương có tài liệu tham khảo để hoạch định chính sách phát triển bền vững cho người Rục trong thời gian tới.

### 3. Sự biến đổi phương thức sinh kế của người Rục

#### 3.1. Phương thức sinh kế truyền thống

Năm 1959 bộ đội Biên phòng Đoàn 119 ở Gia Ốc Sách được thành lập ở khu vực biên giới thuộc xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình và phát hiện có nhóm người Rục sinh sống ở khu vực này. Sau đó, bộ đội cùng chính quyền địa phương tiến hành đi thị sát và vận động người Rục về sống tập trung ở khu vực Hợp Hòa thuộc xã Thượng Hóa. Theo những thông tin viên người Rục đã lớn tuổi cho biết, trước thời điểm ông bà của họ được bộ đội phát hiện, người Rục sống rải rác ở trên núi, trong các hang đá sát biên giới Việt - Lào, mặc trang phục làm bằng vỏ cây, sinh kế chủ yếu bằng hình thức săn bắt lá lượm. Trong giai đoạn này, người Rục đã sự có giao lưu qua lại với những người bản địa sống ở những vùng lân cận như người Sách, người Nguồn.

Theo thông tin viên kể lại, ngày xưa cuộc sống người Rục rất đơn giản nhưng có sự phân công nhau rõ rệt. Phụ nữ làm nghề hái lượm là chính. Công cụ dùng để hái lượm chủ yếu là dao và giỏ đan (guì) dùng để đựng sản phẩm. Sản phẩm của hái lượm chủ yếu là trái rừng, các loại rau, ớt mây, ớt nhúc và các loại măng lồ ô ở ven suối... Hái lượm là công việc của phụ nữ, nhưng nhiều lúc đàn ông vẫn tham gia như đốn ngã cây cho phụ nữ hái trái, lá hoặc đào củ mài sâu dưới đất...

Bên cạnh hái lượm, săn bắt cũng là hoạt động kinh tế quan trọng trong đời sống người Rục. Công cụ chính để săn bắt là bẫy, nỏ, tên, lao... Thú săn trước đây rất đa dạng, bao gồm lợn rừng, linh dương, cáo, hươu, nai, mang, chồn, nhím, sóc, chuột, gà rừng và đặc biệt là khỉ. Người Rục thường dùng các loại bẫy như: bẫy tò ho, bẫy vòng, bẫy sập, bẫy đá, bẫy thất để bẫy thú lớn như lợn rừng, hươu, nai, gấu, hoẵng... Thậm chí người Rục còn săn được cả con hổ. Ông B kể: *“Có người họ săn được con hổ, có người họ sợ họ không dám săn. Nhà tôi chưa bao giờ săn được con hổ. Bố tôi, ông bắn được hai con hổ, 2 con gấu, con sơn dương cũng được, con mang cũng được, con lợn cũng được. Hồi đó khỉ nhiều, bắn được khỉ nhiều. Bắn xong là nó chạy lên mô trên đọt một cây, hai cây hắt ngòi, ngòi rồi nó mưa rồi nó rơi xuống. Rồi mình lấy đem về. Lúc đó đi rừng gặp thì bắn thì được ăn, không gặp thì thôi. Mình chủ động đi tìm con này, con kia thấy thì bắn. Bắn thì nó chạy lâu lâu mới chết. Mình phải đi tìm, nó chạy hướng nào thì mình đi theo hướng đó, đến thấy hắt gần chết là hắt mưa, hắt van này kia.”* (HP, nam, 76 tuổi, người Rục, Bản Mò O-ỒỒ)

Bên cạnh việc săn bắt thú rừng, người Rục còn lấy mật ong rừng; đánh bắt cá, cua, ốc, tôm, rắn, rùa, ếch nhái... ven sông suối. Cách đánh bắt cá cũng đa dạng, người Rục thường dùng lá cây độc từ rừng rải xuống sông, suối làm cá bị say, chết để đánh bắt; dùng đá, đất đắp một đoạn suối để tác nước bắt cá. Có thể thấy, trong điều kiện kinh tế sản xuất chưa xuất hiện thì hoạt động kinh tế khai thác tự nhiên (săn bắt và hái lượm) đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người Rục.

### 3.2. Phương thức sinh kế hiện nay

Để giúp đỡ người Rục hòa nhập vào cuộc sống cùng các dân tộc anh em, năm 1960 chính quyền địa phương cùng các đoàn thể vùng cách mạng (cơ sở kháng chiến) đến tận từng nơi ở để vận động người Rục về sống định cư tại bản Ôn, Dăn, Ổ Ổ - Mố O. Lúc này người Rục chỉ có 11 hộ, khoảng 34 người. Trong thời gian đó, được sự hướng dẫn của chính quyền địa phương, người Rục từng bước làm kinh tế nương rẫy và xây dựng hợp tác xã với tên gọi là Hợp Hòa, ổn định đời sống. Tuy nhiên, đến 1970, một thông tin viên người Rục lớn tuổi cho biết, do chiến tranh chống Mỹ diễn ra ác liệt, đặc biệt khu vực vùng núi tỉnh Quảng Bình luôn bị bom đạn bắn phá, nên người Rục quay trở lại rừng núi. Họ tản sâu vào trong các sườn núi giáp với biên giới Việt - Lào. Sau giải phóng, 1975, chính quyền địa phương tiếp tục vận động, người Rục quay trở về sống tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho người Rục trở lại định canh, định cư ở vùng Cu Nhái. Tuy nhiên, tháng 2/1989, trận dịch sốt đã làm chết 27 người Rục nên họ hoảng sợ, tản ra sống rải rác ở các bản Ôn, Ổ Ổ - Mố O, Lũ Làn. Từ đó, đến nay phương thức sinh kế của người Rục từng bước được biến đổi, phát triển đi lên. Họ không còn du canh, du cư, săn bắn hái lượm như giai đoạn trước năm 1960 nữa mà đã biết làm rẫy, làm ruộng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Loại hình kinh tế này đang chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống của người Rục hiện nay. Sau đây là các phương thức canh tác ruộng, rẫy và chăn nuôi của họ:

**Canh tác nương rẫy:** Để có được đám rẫy (*roong*) trồng lúa, ngay từ những tháng sau Tết người Rục đến tận từng khu rừng để chọn đất. Tiêu chí chọn đất của người Rục là ở những khu rừng già, rậm rạp, có nhiều cây xanh tốt so với xung quanh. Người Rục kiêng chọn rẫy ở những nơi có cây to, tán rộng nhằm tránh động chạm đến thần rừng. Vùng đất được chọn cũng không quá bằng phẳng mà phải có độ dốc. Nếu chọn đất bằng phẳng sẽ dẫn đến lúa tốt và bị ngã. Nên những vùng đất được xem là bằng phẳng thì người Rục thường dùng để trồng ngô, khoai, sắn. Công việc chọn đất thường do người chủ gia đình và con trai lớn đảm trách. Sau khi chọn được vị trí thích hợp họ tiến hành chặt cây vào khoảng tháng 2 và tháng 3 âm lịch và chờ đến mùa nắng rồi đốt rẫy. Công cụ phát rẫy là dao, rựa và rìu. Cách đốt rẫy là châm lửa theo vòng tròn. Thời điểm đốt rẫy thường được tiến hành vào cuối tháng 4. Sau khi đã đốt, phát và thu dọn, họ dùng cây chọc lỗ và tria hạt. Lúa rẫy chỉ trồng 1 vụ, tria hạt từ tháng 5 - 6 hàng năm và thu hoạch vào tháng 9 -10. Thời gian canh tác trên mỗi rẫy từ 2 đến 3 năm, lúc đất bạc hết màu, họ chuyển đi làm nơi khác. Khi thu hoạch thì mỗi thành viên trong gia đình đều tham gia. Khi lúa chín, thu hoạch, người Rục dùng tay để tuốt lúa nên thời gian thu hoạch có thể kéo dài từ 5 ngày đến 1 tuần mỗi rẫy. Lúa tuốt xong được tập trung vào những cái gùi to để đàn ông mang về. Sau khi thu hoạch xong lúa được phơi khô và làm sạch để cất lên gác trên sàn nhà. Cách thức làm ruộng rẫy, một thông tin viên kể: *“Như năm mình phát rẫy trồng lúa được 1-2 năm thì chuyển sang chỗ khác, còn chỗ đó thì trồng các loại ngô, sắn. ... Vì có nó nhiều quá nên mình không phát nổi để trồng lúa, khi mình thu hoạch xong là cỏ nó mọc đầy đó, có nhiều lắm. Mình đốt được nhưng cỏ nhỏ nó mọc xanh lên, chỗ đất khác thì chỗ rừng cây cao mình đốt xong là nó không có cỏ. Làm rẫy 1 vụ trung bình thu hoạch khoảng 10 đến 15 bao lúa mỗi gia đình, mỗi năm 1 vụ, họ cất rồi ăn từ từ. Họ làm cái gác rồi họ mang về họ bỏ trên đó, họ bỏ vô bao rồi gác trên đó. Mỗi ngày họ tuốt một ít rồi họ gùi về từ từ, họ tuốt đầy gùi rồi bỏ vô đầy một bị rồi đưa về. Một rẫy tuốt khoảng 5, 6 ngày mới xong. Mùa nắng thì mình không cần phơi luôn, mình mang về để trong nhà không cần phơi; khi ăn thì đâm gạo ăn thôi.”* (CTT, CÊ, nam, 74 tuổi,

người Rục Bản Mò O-ỒỒ). Hiện nay, ngoài việc trồng các loại rẫy ngô, khoai, sắn..., đa số hộ gia đình người Rục đã chuyển sang trồng lúa nước. Mỗi gia đình người Rục thường có từ 1 đến 2 rẫy ven rừng và một mảnh nương ven suối gần bản, rất ít hộ gia đình có 3 rẫy. Do chính sách cấm phát rừng làm rẫy, nên số lượng rẫy của người Rục trong những năm gần đây không tăng. Trước đây, việc trồng lúa rẫy phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, kỹ thuật canh tác còn hạn chế, thiếu sự quan tâm, chăm sóc cây trồng dẫn đến năng suất thấp. Từ đó dẫn đến, người Rục thường thiếu đói, không đủ ăn, lương thực chỉ đáp ứng được cho người Rục khoảng 7 đến 8 tháng trong năm.

**Trồng lúa nước:** Với mục đích thay đổi hoạt động sinh kế nhằm cải thiện đời sống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, chính quyền các cấp đã không ngừng vận động người dân chuyển đổi hoạt động sinh kế. Cụ thể chuyển từ phương thức sinh kế truyền thống (trồng lúa rẫy, săn bắt, hái lượm) sang canh tác lúa nước và chăn nuôi.

Khởi đầu cho sự chuyển đổi sinh kế này là chương trình thí điểm trồng lúa nước được thực hiện. Mỗi vụ chính quyền chọn một hộ đất người Rục trồng lúa nước thí điểm, cứ như thế vụ thứ nhất một hộ, vụ thứ hai ba hộ và vụ thứ ba tăng số hộ lên. Kết quả thí điểm đã đạt kết quả ngoài mong đợi. Từ đó, nhà nước tiến hành thực hiện dự án đầu tư Công trình thủy lợi Rục Làn với tổng kinh phí là 4,42 tỷ đồng do Ban chỉ huy Đoàn Biên phòng 585-Cà Xèng làm chủ đầu tư vào năm 2009. Công trình này gồm một hồ chứa và hệ thống mương dẫn nước có khả năng phục vụ tưới tiêu cho sản xuất hai vụ lúa nước trong năm, đồng thời cung cấp nước sạch cho đồng bào Rục ở cả ba bản Mò O-ỒỒ, yên Hợp và Ôn. Với mục đích chuyển đổi sinh kế đưa cây lúa nước vào trồng thử nghiệm tại thung lũng Rục Làn nhằm thay đổi cách suy nghĩ trong sinh kế của người Rục. Sau hai lần thử nghiệm, diện tích trồng lúa vụ tiếp theo là 2,5ha và những vụ sau đó lên đến 10 ha.

Mặc dù trong quá trình thí điểm rất khó khăn nhưng sau hai năm kiên trì, bộ đội đã hướng dẫn người Rục trồng lúa nước có hiệu quả. Nhiều hộ gia đình người Rục đã tự nguyện chuyển từ trồng lúa rẫy sang trồng lúa nước. Diện tích trồng lúa nước được mở rộng từ 2,5 ha năm đầu tiên lên gần 10 ha những năm sau đó. Lúc này hình thức tham gia trồng lúa đã thay đổi, không còn trồng theo hình thức tính công lấy điểm như lúc làm thí điểm, mà bộ đội chia đều ruộng cho tất cả người dân trong bản tùy theo số lượng nhân khẩu trong gia đình.

Lúa được trồng một năm hai vụ. Khâu đầu tiên là làm đất. Thời gian đầu khi chưa có máy cày thì việc làm đất do người dân tự cuốn, sau đó bộ đội dùng sức kéo của trâu bò để cày bừa làm cho đất tơi xốp mới tiến hành gieo, cấy. Hoạt động trồng lúa trong những năm đầu từ khâu làm đất, hệ thống dẫn nước, đắp bờ, làm cỏ, cày đất, cách ngâm giống, ủ giống, gieo lúa đều được bộ đội biên phòng trực tiếp làm. Giống lúa, phân bón, thuốc trừ sâu, bình xịt cỏ đều được bộ đội trích từ kinh phí từ dự án của tỉnh để mua. Quy trình chăm bón đều do bộ đội hướng dẫn, từ khâu làm cỏ đến bón phân, thủy lợi tưới tiêu, xịt thuốc.

Mặc dù đã trải qua nhiều năm trồng lúa và được bộ đội quan tâm hướng dẫn sâu sát nhưng người Rục vẫn chưa tự chủ trong hoạt động sinh kế mới này. Từ những khâu đầu tiên của việc trồng lúa như ủ giống, gieo giống, cày bừa, lấy nước vào ruộng người Rục vẫn chưa chủ động làm. Bên cạnh đó ý thức tham gia của họ vẫn chưa cao. Chẳng hạn đến thời điểm gieo giống, làm cỏ, hay gặt lúa họ được bộ đội thông báo phải có mặt ở đồng ruộng nhưng nhiều người vẫn không nghe theo, cho dù họ không bận công việc gì khác. Do chịu ảnh hưởng của nước phèn, hạn hán, sâu bệnh, trâu bò, thú rừng phá hoại nên năng suất trồng lúa không ổn định. Mặt khác, thời tiết ở khu vực này

cũng rất phức tạp, mùa hè thì rất nóng, còn mùa đông thì quá lạnh nên dẫn đến tâm lý thụ động, an phận của người dân. Một số hộ gia đình sau khi làm lúa một vài năm đầu tiên sau đó chuyển qua trồng bắp, sắn, đậu lạc, một số hộ gia đình khác thì bỏ hoang đất trống. Chính vì vậy mà số lượng người tham gia trồng lúa ban đầu là 74 hộ những năm đầu tiên hiện nay giảm xuống còn 48 hộ. Năng suất thất thường, tùy vào điều kiện tự nhiên, do tâm lý an phận, chưa thích nghi tốt với hoạt động sinh kế mới là những yếu tố thường gặp phải đối với hoạt động trồng lúa của người Rục.

Tóm lại, việc người Rục chuyển qua trồng lúa nước tuy ban đầu còn gặp khó khăn nhưng bước đầu đã bảo đảm nguồn lương thực cho người Rục. Từ đó đã làm thay đổi rất lớn cả về đời sống vật chất và tinh thần, đặc biệt góp phần thay đổi cách suy nghĩ, cách làm của người Rục, khích lệ họ phát triển sản xuất theo mô hình sản xuất mới, thích ứng với thời đại mới.

**Hoạt động chăn nuôi:** Cùng với trồng trọt, chăn nuôi là hoạt động sinh kế quan trọng của người Rục hiện nay. Loại hình kinh tế này chỉ xuất hiện phổ biến ở người Rục trong giai đoạn sau 1990, gắn với những chương trình định canh, định cư, trồng trọt, chăn nuôi theo mô hình mới do chính sách nhà nước đề ra.

Các con vật mà người Rục thường nuôi là trâu, bò, lợn, gà, ngan nhưng số lượng nuôi không nhiều, chỉ vài con trong mỗi hộ gia đình. Chăn nuôi bằng hình thức thả rông vẫn còn phổ biến đối với người Rục. Một thông tin viên người Rục cho biết, tập quán chăn nuôi thả rông của người Rục phù hợp với địa bàn cư trú được bao bọc bởi những dãy núi xung quanh. Trước đây trâu bò được thả vào rừng tùy vào từng thời điểm trong năm mà chúng được đưa về nhà nhiều hay ít. Vào mùa mưa, trâu bò ở lại trong rừng thời gian lâu hơn mùa nắng. Về mùa mưa có thể 1 đến 2 tháng người Rục mới đi tìm và đưa chúng nhà một lần. Hoặc tùy vào nhu cầu cần đưa chúng về hay không. Họ cho rằng về mùa mưa trâu bò thường đi vào trong rừng sâu, xa bản làng nên rất khó để tìm chúng. Còn về mùa nắng thì chúng đi ăn ở những bãi cỏ hoang gần nhà và buổi tối chúng tự về nằm xung quanh vườn nhà, có khi chúng ở lại trong rừng 3-4 đêm mới về nhà một lần. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các gia đình đã biết làm chuồng cho trâu bò, sáng lùa vào rừng để chúng ăn cỏ chiều tối đi lùa về. Số lượng hộ gia đình thả rông trong rừng vẫn còn nhưng chiếm tỉ lệ ít. Hầu như người Rục chưa có khái niệm đi cắt cỏ cho bò ăn, cũng như cho ăn các thức ăn chứa nhiều chất dinh dưỡng để vỗ béo trâu bò. Đối với người Rục chăn nuôi chưa thực sự là hoạt động hỗ trợ tốt cho trồng trọt, những lợi thế từ sức kéo, về phân bón từ chăn nuôi vẫn chưa được chú trọng khai thác. Họ cũng chưa quen với các chương trình tập huấn kỹ thuật chăn nuôi từ chính quyền địa phương. Người Rục vẫn kiên trì với tập quán chăn nuôi thả rông, con vật tự tìm kiếm thức ăn là chính.

Theo chúng tôi tìm hiểu thì hiện nay có khoảng 40% số hộ người Rục trong các bản tham gia vào việc nuôi trâu, bò. Đa phần là nuôi 1 con bò, một số hộ nuôi từ 2-3 con, một số ít nuôi nhiều nhất từ 5-7 con. Thời điểm ban đầu Nhà nước hỗ trợ mỗi gia đình người Rục một con bò để chăn nuôi. Nhưng sau đó có một số gia đình họ bán để lấy tiền tiêu xài, những gia đình khác họ tiếp tục nuôi, bò sinh sôi ngày càng nhiều. Có những hộ gia đình sau khi được hỗ trợ họ mua thêm, dần dần đàn bò sinh sôi nảy nở đến cả chục con, sau đó họ bán để lấy tiền sử dụng vào việc xây nhà, mua sắm các thiết bị, vật dụng cần thiết. Những năm gần đây, một số gia đình người Rục tiếp tục được hỗ trợ bò từ các ngân hàng chính sách, các tổ chức nhà nước. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng có những chính sách cho vay vốn để đầu tư sản xuất chăn nuôi, nhưng số người Rục vay vốn để sản xuất không nhiều vì họ sợ không có khả năng để trả nợ.

Hoạt động chăn nuôi ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người Rục. Sản phẩm chăn nuôi của các gia đình bên cạnh phục vụ nhu cầu thực phẩm hàng ngày, còn là nguồn vốn tích lũy của cải cho gia đình họ. Mặc dù nhận được sự đầu tư, hỗ trợ rất nhiều từ nhà nước nhưng hoạt động chăn nuôi của người Rục còn khá đơn giản, chưa áp dụng các kỹ thuật trong chăn nuôi, biến đổi chậm và còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

#### **4. Các yếu tố tác động đến sự biến đổi sinh kế của cộng đồng người Rục**

##### ***4.1. Tác động của chính sách***

Cư trú trong địa hình đồi núi hiểm trở, bị chia cắt, đi lại khó khăn, nền kinh tế tự cung tự cấp khép kín, biệt lập, với hai loại hình canh tác truyền thống là khai thác tự nhiên và nông nghiệp nương rẫy là hoạt động sinh kế chủ đạo, đời sống của người Rục hết sức khó khăn. Hoạt động sinh kế truyền thống của họ ngày càng đe dọa sự cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng như tình trạng chặt cây phá rừng để làm nương rẫy, săn bắt các loại động vật làm cho các loại tài nguyên rừng ngày càng khan hiếm. Trước tình hình đó, chính quyền các cấp đã từng bước hỗ trợ, hướng dẫn người Rục thay đổi phương thức sinh kế mới nhằm cải thiện đời sống của người dân, vừa hạn chế nạn khai thác rừng như trong suốt thời gian trước đó.

Trong những năm qua, vùng đồng bào người Rục đã nhận được nhiều chương trình đầu tư của nhà nước. Với tỷ lệ hộ nghèo cao và tập trung cư trú ở vùng rừng núi đặc biệt khó khăn, người Rục được thụ hưởng nhiều chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước. Cụ thể từ năm 1990, nhằm bảo tồn và phát triển vùng đồng bào người Rục ở xã Thượng Hóa, Nhà nước đã tiến hành đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng, cải tạo môi trường sống, đời sống văn hoá – xã hội cho đồng bào khu vực này. Ví dụ như năm 2002, Chương trình 135 về xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án khác, vùng người Rục ở xã Thượng Hóa đã được đầu tư hơn 20 tỷ đồng, tiêu biểu như các công trình đường vào bản Ôn, trị giá 12,7 tỷ đồng; hệ thống cấp điện bản Yên Hợp - Mò O O O, trị giá 2,6 tỷ đồng, trạm y tế trị giá hơn 1,3 tỷ đồng...(Biên phòng Việt Nam, 14). Bên cạnh những chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm thì Nhà nước cũng triển khai thực hiện các dự án nhằm vận động, hướng dẫn người Rục thay đổi hoạt động sinh kế mà cụ thể là từng bước chuyển từ các hoạt động sinh kế khai thác tự nhiên, kinh tế nương rẫy sang trồng trọt lúa nước và chăn nuôi. Từ đó, những chương trình đầu tư phát triển nông nghiệp được triển khai, dự án đầu tư về thủy lợi Rục Làn nhằm làm đê phục vụ nhu cầu tưới tiêu cho lúa nước được tiến hành với tổng kinh phí lên đến 4,42 tỷ đồng. Các chương trình hỗ trợ về cây trồng và vật nuôi, tập huấn kỹ thuật sản xuất được tiến hành nhằm mục đích hướng cho đồng bào phát triển kinh tế hộ gia đình giúp đồng bào người Rục từng bước thích nghi với bối cảnh mới của cuộc sống.

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, với các chính sách về chuyển đổi cây trồng vật nuôi, hỗ trợ vốn và tập huấn sản xuất, đặc biệt được bộ đội Biên phòng về tận bản giúp người dân canh tác lúa nước 2 vụ, nhiều hộ gia đình đã từng bước ổn định cuộc sống. Cách nhìn nhận của một số người Rục về làm ăn kinh tế có sự thay đổi đáng kể. Đặc biệt, do được tiếp xúc qua lại với các nhóm tộc người khác, một bộ phận người trẻ đã biết đầu tư trong sản xuất như nuôi trâu, bò, lợn, gà, trồng các loại cây hoa màu mang lại lợi ích kinh tế cho hộ gia đình. Một thông tin viên cho rằng, kể từ khi Nhà nước đầu tư làm đường bê tông, đặc biệt là hỗ trợ chuyển qua trồng lúa nước, đời sống của bà con được nâng lên nhiều. Trước đó lúa rẫy chỉ đáp ứng được 2/3 nhu cầu lương thực trong năm,

những tháng còn lại họ ăn ngô, khoai, sắn và các sản phẩm khai thác từ rừng để duy trì cuộc sống. Từ khi chuyển qua làm lúa nước đến nay thì lương thực luôn ổn định và không phải thiếu ăn nhiều như trước đây, chỉ trừ những năm bị mất mùa do thiên tai. Đối với những hộ không trồng lúa nước thì cuộc sống của họ khó khăn và bấp bênh hơn, kinh tế nương rẫy không đảm bảo nhu cầu lương thực quanh năm, phải nhờ vào việc khai thác các nguồn lợi từ tự nhiên, các nguồn trợ cấp từ bên ngoài. Nhìn chung số lượng các hộ người Rục sống phụ thuộc vào sự trợ giúp từ các cơ quan, tổ chức bên ngoài vẫn còn nhiều.

#### **4.2. Sự biến đổi do môi trường sinh thái**

Theo quan điểm sinh thái văn hóa (Cultural Ecology) của Julian Steward, Văn hóa do các điều kiện môi trường định hình, các yếu tố sinh kế kết hợp với môi trường ảnh hưởng đến tổ chức xã hội và hệ tư tưởng. Văn hóa là cơ chế giúp cho con người thích nghi. Như vậy, mối quan hệ giữa môi trường và văn hóa là mối quan hệ tác động hai chiều. Cụ thể, Steward cho là con người có được thực phẩm từ môi trường tự nhiên có một ảnh hưởng định hình trực tiếp đến đời sống xã hội và phong tục của họ... Trên cơ sở quan điểm về mối quan hệ môi trường và văn hóa và sự hoạt động sinh tồn của con người, chúng tôi cho rằng môi trường sống của người Rục là kết quả của quá trình tộc người này thích nghi với môi trường tự nhiên phù hợp việc thực hành sinh kế của họ. Trong điều kiện môi trường sinh thái thay đổi sẽ dẫn đến những thay đổi trong sinh kế và sinh hoạt hằng ngày. Ban đầu, người Rục thích nghi với cuộc sống trong rừng, làm lều đơn giản hoặc sống trong hang đá và sinh kế bằng hình thức khai thác tự nhiên săn bắt hái lượm. Qua thời gian người Rục tập trung về sống định cư và thích nghi với kinh tế nương rẫy và chăn nuôi bò, lợn theo hình thức thả rông. Trong những năm gần đây do môi trường săn bắt thú rừng và môi trường hái lượm càng khan hiếm, mặt khác do chính sách bảo vệ rừng của nhà nước không cho săn bắt các loại thú trong rừng, không cho đồng bào phát rẫy để canh tác nên đòi hỏi người Rục phải chuyển qua phương thức sinh kế mới là trồng lúa nước. Có thể thấy, bên cạnh việc thay đổi không gian cư trú, cùng với việc môi trường săn bắt, hái lượm ngày càng khan hiếm đã ít nhiều ảnh hưởng đến cuộc sống của người Rục. Hiện nay, sinh kế của người Rục không còn phụ thuộc nhiều vào rừng, người Rục đang từng bước thích nghi dần với các hoạt động sinh kế sản xuất. Có thể thấy trong từng giai đoạn lịch sử người Rục đã thích nghi với môi trường thiên nhiên và hoàn cảnh sống cụ thể nhằm đáp ứng được nhu cầu sinh tồn của họ.

#### **4.3. Giao lưu văn hóa**

Có thể thấy nguyên nhân dẫn đến quá trình tiếp biến văn hóa là do sự tiếp xúc lâu dài giữa các tộc người khác nhau với các nền văn hóa khác nhau. Sống trong môi trường đa tộc người, nhóm người và bối cảnh của sự phát triển đặc biệt là khoảng cách không gian ngày càng thu hẹp, các tộc người, nhóm người trong đó có người Rục đã có sự tiếp xúc và từ đó vay mượn các thực hành sinh văn hóa trong đó có sinh kế.

Theo chiều hướng này, văn hóa của người Rục đã và đang xảy ra sự tiếp biến văn hóa với các tộc người khác. Khi được phát hiện vào năm 1959, người Rục được bộ đội, cán bộ địa phương người Kinh vận động đưa về sống tập trung ở bản Hợp Hòa. Từ đó người Rục được chính quyền hướng dẫn cách phát rẫy trồng trọt và chăn nuôi. Thời gian sau đó họ sống xen kẽ, giao lưu qua lại giữa người Rục với người Kinh, người Nguồn và người Sách đã dẫn đến những biến đổi ngày càng mạnh mẽ về mọi phương diện trong đời sống của người Rục. Từ các hoạt động sinh kế truyền thống

của họ là săn bắt hái lượm, sang hoạt động kinh tế nương rẫy, trồng lúa nước, chăn nuôi. Trong những năm gần đây, do quá trình cộng cư, giao lưu qua lại và hôn nhân với người Kinh đã làm cho văn hóa người Rục ngày càng gần với người Kinh hơn. Sự tiếp thu yếu tố mới đã tăng cường thêm sự giao lưu tiếp xúc văn hoá giữ người Rục và các nhóm cộng đồng tộc người ở vùng lân cận, đặc biệt là với người Kinh. Như vậy, sự giao lưu tiếp xúc qua lại giữa người Rục và các nhóm người trong quá trình sinh sống và sinh kế đã giúp cho người Rục được tiếp cận với nguồn tri thức mới, nhưng bên cạnh đó cũng làm mất đi bản sắc văn hóa của họ.

## 5. Kết luận

Người Rục từ chỗ có nguy cơ tuyệt chủng với dân số 34 người khi mới phát hiện đến nay đã tăng lên 360 người. Từ chỗ sống trong rừng, hang đá với hoạt động sinh kế phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, người Rục đã từng bước thích nghi với hoạt động sinh kế mới là kinh tế nương rẫy, trồng trọt và chăn nuôi. Các chính sách và chương trình phát triển đã góp phần to lớn vào việc cải thiện đời sống người Rục ở xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, làm thay đổi hoàn toàn diện mạo khu vực người Rục sinh sống so với trước đây. Người Rục có quá trình sống gắn bó với rừng trong thời gian lâu dài nên những suy nghĩ, thói quen đã thấm sâu vào trong tiềm thức họ nên rất khó để họ tiếp nhận nguồn tri thức mới. Để làm được như vậy thì Nhà nước, những người thực hiện chính sách phải từng bước kết hợp tri thức địa phương với khoa học kỹ thuật và từng bước đưa tộc người này tiến tới hội nhập. Đặc biệt đối với thế hệ trẻ người Rục chính quyền cần có lộ trình đầu tư cho giáo dục ngay từ đầu, giúp những người trẻ được học tập để tiếp cận được với nguồn tri thức mới của nhân loại. Có làm được như vậy thì mới có thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội của người Rục.

*Bài viết này là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP.HCM (QĐ số 299/QĐ-XHNV-QLKH-DA ngày 5/12/2017).*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Thanh Dự (2010). *Văn hóa dân gian Bru-Vân Kiều, Chứt ở Quảng Bình – Tập 1*. Huế: NXB Thuận Hóa.
- [2] Khổng Diễn (2004). Trở lại thành phần dân tộc người Nguồn. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6.
- [3] Mạc Đường (1963). Tìm hiểu người Rục ở miền núi tỉnh Quảng Bình. *Nghiên cứu lịch sử*, số 48-1.
- [4] Nguyễn Bình (1961). Dân tộc Arem và dân tộc Rục. *Tập san Dân tộc*, số 24.
- [5] Nguyễn Đình Khoa (1969). Thành phần nhân chủng một số nhóm dân tộc ở miền núi tỉnh Quảng Bình. *Nghiên cứu lịch sử*. Số 121.
- [6] Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Khắc Thái (2007). *Hoa trên đá núi - Chân dung các dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Bình*, NXB Thống kê.
- [7] Nguyễn Quốc Lộc (chủ biên, 1984). *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*. Huế: NXB Thuận Hóa.
- [8] Nguyễn Thị Ngân (chủ biên, 2017). *Nhận diện di sản văn hóa dân tộc Chứt ở Quảng Bình*. NXB Sân khấu.
- [9] Nguyễn Văn Mạnh (1996). *Người Chứt ở Việt Nam*. Huế: NXB Thuận Hóa.
- [10] Nguyễn Văn Mạnh (2008). Dấu ấn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số Quảng Bình. *Khoa học xã hội miền Trung*, số 3.

- [11] Nguyễn Văn Mạnh (2012). Đan xen văn hóa trong cộng đồng các dân tộc ở Quảng Bình hiện nay. *Thông báo Dân tộc học*.
- [12] Phạm Đức Dương (1979). Về mối quan hệ nguồn gốc của các ngôn ngữ nhóm Việt – Mường. *Dân tộc học*, số 1.
- [13] Trần Trí Dõi (1995). *Thực trạng kinh tế và văn hóa của ba nhóm tộc người đang có nguy cơ biến mất*. NXB Văn hóa Dân tộc.
- [14] UBND huyện Minh Hóa (2017). *Báo cáo Kết quả thực hiện phân định vùng dân tộc thiểu số, miền núi theo trình độ phát triển và phân định xã, thôn, bản theo khu vực I, II, III huyện Minh Hóa*. Minh Hóa.
- [15] UBND huyện Minh Hóa (2018). *Báo cáo Tình hình kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và dân tộc Chứt tại huyện Minh Hóa*. Minh Hóa.
- [16] UBND huyện Minh Hóa (2018). *Báo cáo tổng hợp Dân số dân tộc chứt trên địa bàn huyện Minh hóa năm 2018 tính đến ngày 01/01/2018*. Minh Hóa.
- [17] Viện Dân tộc học (1978). *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Bắc). NXB Khoa học Xã hội.
- [18] Võ Xuân Trang (1987). Tình trạng đáng lo ngại của người Rục ở Bình Trị Thiên. *Sử học*, số 28-1987.
- [19] Võ Xuân Trang (1991). Võ cây trong đời sống của người Rục ở Quảng Bình. *Dân tộc học*, số 3-1991.
- [20] Võ Xuân Trang (1998). *Người Rục ở Việt Nam*. NXB Thanh Niên.